

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/DS-ST  
Ngày 26 - 11 - 2018  
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả  
tiền

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Chung Văn V, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh T; cư trú tại: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Ánh; cư trú tại: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Anh Chung Văn V trình bày:**

Vào ngày 05/9/2015 âl, ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị A có thuê anh sên vét, cải tạo vuông tôm, việc thuê chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm hợp đồng. Theo thỏa thuận, anh sên vét, cải tạo toàn bộ vuông tôm của ông T, bà A với số tiền là 16.000.000đ. Sau khi hoàn thành công việc sên vét, cải tạo thì ông T, bà A có

trả cho anh 9.000.000đ. Còn lại 7.000.000đ ông T, bà A hứa 03 tháng sau trả, đến thời gian hẹn anh đến nhà gặp ông T, bà A đòi tiền thì ông T, bà A không trả mà hẹn lại lần khác. Đến tháng 3/2017 ông T, bà A có trả cho anh 1.000.000đ. Đến ngày 01/5/2018 anh đến nhà ông T, bà A đòi tiếp 6.000.000đ còn lại, nhưng ông T, bà A không trả. Sau đó, anh có yêu cầu áp HD giải quyết nhưng ông T, bà A vắng mặt. Nay anh yêu cầu ông T, bà A trả cho anh số tiền còn lại là 6.000.000đ.

Tại phiên tòa: Anh V vẫn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Chung Văn V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị A trả số tiền 6.000.000đ theo lời hứa của ông T, bà A là vụ kiện tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T và bà A, nhưng tại phiên tòa ông T, bà A vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Xét thấy: Nội dung khởi kiện của anh V thì ông T, bà A đã biết, nhưng ông bà không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà A.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 05/9/2015 ả, ông T và bà A có thuê anh V sen vét, cải tạo toàn bộ diện tích vuông tôm của ông bà với số tiền 16.000.000đ là thực tế có xảy ra, việc này được ông Lê Phong N là Phó trưởng Ban nhân dân ấp HD xác nhận.

Tuy nhiên, sau khi anh V thực hiện xong công việc sen vét, cải tạo vuông tôm thì ông T, bà A chỉ trả cho anh V lần đầu 9.000.000đ, số tiền còn lại ông bà hẹn 03 tháng sau trả đủ cho anh V. Khi đến hẹn ông bà không trả tiền như cam kết, anh V có đòi nhiều lần thì ông T, bà A có trả thêm được 1.000.000đ, số còn lại 6.000.000đ đến nay chưa trả. Xét thấy: Nội dung và yêu cầu khởi kiện của anh V thì ông T, bà A không phản đối. Như vậy, theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của anh V thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định ông T, bà A có nợ anh V tiền thuê sen vét, cải tạo vuông tôm 6.000.000đ và ông bà có hẹn sau 03 tháng kể từ khi trả tiền lần đầu sẽ trả đủ tiền cho anh V. Do đó, theo khoản 1 Điều 280 của Bộ luật dân sự thì ông T, bà A phải có nghĩa vụ trả cho anh V 6.000.000đ là phù hợp.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của anh V là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc ông T và bà A phải có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền là 6.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T và bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 5; khoản 2 Điều 92; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116; Điều 117 và Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chung Văn V. Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị A phải có nghĩa vụ trả cho anh Chung Văn V số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

2. Kể từ ngày anh Chung Văn V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị A chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T và bà A còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Chung Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh V 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010443 ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Nguyễn Minh T và bà Huỳnh Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**